

SỰ HÌNH THÀNH HỆ THỐNG LƯƠNG ĐẢNG TRONG NỀN CHÍNH TRỊ HOA KỲ

ThS. Lê Lan Anh*

Đảng phái chính trị từ lâu đã là chủ đề trung tâm trong các cuộc tranh luận liên quan đến những vấn đề chính trị Hoa Kỳ. Nó là một phần cơ bản, không thể tách rời của nền dân chủ Hoa Kỳ ngay từ thời đầu lập quốc. Nội dung bài viết này không mong muốn có thể làm rõ tất cả những gì liên quan đến đảng phái chính trị Hoa Kỳ, mà chỉ tập trung vào tìm hiểu nguồn gốc, tiến trình hình thành và tồn tại của chế độ lưỡng đảng ở Hoa Kỳ. Qua đó, góp phần lý giải tại sao từ khi Hoa Kỳ xuất hiện chế độ đảng phái lại chỉ có hai đảng Dân chủ và Cộng hòa thay nhau cầm quyền cho tới ngày nay.

1. Sự hình thành chế độ lưỡng đảng

Khi nghiên cứu về lịch sử đảng phái chính trị Hoa Kỳ, có thể thấy khái niệm đảng phái chính trị không xuất hiện ở Hoa Kỳ ngay từ thời đầu lập quốc, mà đó là cả một tiến trình hình thành và phát triển sau này, trên nền tảng của những điều kiện, hoàn cảnh đặc biệt. Có thể nói, vào thời kỳ lập quốc, đảng chính trị chưa được hình thành ở Hoa Kỳ, thậm chí những nhà lập quốc còn không mong muốn là nó sẽ ra đời ở đất nước này. Thời kỳ này, đảng chính trị mới chỉ ở dạng manh nha là các nhóm,

các phe phái, chưa được gọi tên chính thức. Điều này được minh chứng qua nội dung của bản Hiến pháp Hoa Kỳ ra đời năm 1787 không có một điều khoản nào nói về đảng chính trị, và vị Tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ, George Washington, cũng không phải là đảng viên của một đảng phái chính trị nào tại thời điểm bầu cử của mình, cũng như trong suốt nhiệm kỳ làm tổng thống của ông. Hơn nữa, với những ấn tượng về cuộc chiến giữa các chính đảng diễn ra ở nước Anh trước đó, hay các cuộc chiến tranh tôn giáo và chính trị đã từng hủy diệt các nền cộng hòa Hy Lạp, La Mã, trong bài diễn văn từ nhiệm (the Farewell Address) của mình, Tổng thống G. Washington, đã cảnh báo về các tác động tai hại của tinh thần đảng phái nói chung, ông hy vọng rằng các đảng chính trị sẽ không được hình thành, và rằng “*bản thân nó là một chế độ chuyên quyền ghê sợ*”. Ông cảnh báo rằng các đảng phái sẽ dẫn đến sự xung đột liên chính trị, chia rẽ trong nước, và sự tri trệ sẽ xảy ra cho nền dân chủ còn non trẻ này.¹ Tuy nhiên, bất chấp những lo ngại đó, những manh nha các đảng phái lại xuất hiện từ các cố vấn của Tổng thống Washington. Chính những mâu thuẫn chính trị trong nội bộ chính

(*) Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

quyền Mỹ thời kỳ đó đã tạo tiền đề cho sự ra đời của đảng phái chính trị một cách tự nhiên.

Khởi nguồn cho việc hình thành hai chính đảng đến từ cuộc cạnh tranh trong Quốc hội Mỹ, vào cuối nhiệm kỳ của Tổng thống G. Washington, giữa hai Nghị sỹ Hamilton và Jefferson, một người đại diện cho trường phái chủ nghĩa liên bang và người kia đại diện cho trường phái chống chủ nghĩa liên bang. Họ được coi là “cha đẻ” của hệ thống đảng phái chính trị hiện đại. Hamilton, lúc bấy giờ là Bộ trưởng Tài chính Mỹ, chủ trương thiết lập một Chính phủ trung ương mạnh. Với niềm tin rằng, những gì Hiến pháp không cấm tức là được phép làm, ông đã xây dựng một kế hoạch phát triển kinh tế đầy tham vọng với trụ cột là những thương gia, chủ ngân hàng, các địa chủ bảo thủ. Ông cho rằng, một chính phủ trung ương mạnh là rất quan trọng để khuyến khích thương mại và công nghiệp phát triển và để ngăn chặn sự hỗn loạn bên trong biên giới của Mỹ. Ông muốn quyền lực phải được tập trung vào chính quyền liên bang. Quan điểm này đã định hình cho kế hoạch tài chính của ông. Để có thể áp đảo được những người phản đối kế hoạch này, Hamilton đã vận động các nghị sỹ trong Quốc hội ủng hộ cho chủ trương của mình. Tập hợp những người có cùng quan điểm với ông trong Quốc hội Mỹ đã tự gọi tên cho nhóm mình là “những người liên bang” (Federalist). Đây cũng

chính là tiền thân của đảng Cộng hòa sau này.

Tuy nhiên, kế hoạch của Hamilton đã bị người đứng đầu của phái chủ trương chống chủ nghĩa liên bang là Thomas Jefferson, lúc bấy giờ là Bộ trưởng Ngoại giao, phản đối. Ông cho rằng những gì không được cụ thể bằng văn bản tức là bị cấm. Do đó, theo ông, kế hoạch của Hamilton có thể khiến cho một chính quyền trung ương có quyền lực mạnh đến mức không bị giới hạn, và điều này có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của các tầng lớp khác trong xã hội, và rằng sẽ tốt hơn nếu quyền lực chính trị được phân tán vào trong dân chúng, nên được phân quyền cho các bang. Jefferson đã tổ chức một liên hiệp mang tên “những người cộng hòa dân chủ” (Democratic Republicans) là tập hợp phần lớn các tiểu chủ của các đồn điền ở miền Trung-Tây nước Mỹ, các công nhân ở các thành thị mới xây dựng và các nô lệ da đen ở miền Nam. Chủ trương của nhóm này là một nước cộng hòa nông nghiệp có phân cấp, đối lập lại với nhóm của Hamilton chủ trương ủng hộ tầng lớp giàu có. Nhóm của Jefferson chính là tiền thân của đảng Dân chủ ngày nay.

Như vậy, những manh nha của đảng phái chính trị Hoa Kỳ đã được hình thành từ hai triết lý khác nhau về cách thức điều hành đất nước. Hai phe phái này đã tồn tại song song, chi phối nền chính trị Mỹ trong những năm 90 của thế kỷ XVIII. Nhưng sự song tồn này

chỉ diễn ra trong thời gian ngắn cho đến cuộc bầu cử Tổng thống năm 1800 với chiến thắng của Thomas Jefferson. Điều này đồng nghĩa với việc phái theo chủ nghĩa liên bang bị thất thế và chính việc chỉ hướng vào tầng lớp những người giàu có của đảng liên bang đã khiến cho đảng này gặp nhiều khó khăn, sức hấp dẫn bị giảm sút, và đảng này đã giải tán sau 32 năm tồn tại (1792-1824)². Việc Jefferson trở thành vị Tổng thống thứ hai của Hoa Kỳ sau Washington đã mở ra kỷ nguyên thống trị nền chính trị Hoa Kỳ của đảng Cộng hòa - Dân chủ.

2. Kỷ nguyên thiện cảm

Giai đoạn độc đảng chi phối nền chính trị Hoa Kỳ này được gọi là "Kỷ nguyên thiện cảm" (The era of good feeling³) đã chấm dứt các tranh chấp đảng phái gay gắt giữa đảng liên bang và đảng Cộng hòa - Dân chủ, và mở ra thời kỳ thống trị của đảng Cộng hòa - Dân chủ trong suốt 24 năm (1801-1824). Trong kỷ nguyên của chế độ độc đảng thống trị nền chính trị Hoa Kỳ là thời kỳ ít phe phái chính trị nhất. Thời kỳ này nền kinh tế Mỹ có đặc trưng là nông nghiệp phát triển phong phú. Đảng Cộng hòa - Dân chủ được sự ủng hộ của những người nghèo, nô lệ da đen, nông dân. Mặc dù được gọi là Kỷ nguyên thiện cảm, hay Kỷ nguyên của những điều tốt lành do chỉ có một đảng thống trị, nhưng trên thực tế, trong nội bộ đảng Cộng hòa - Dân chủ đã có những bất đồng, chia rẽ sâu sắc, hệ quả là sự hình

thành đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa sau này.

3. Hệ thống lưỡng đảng

Năm 1820, đời sống chính trị của Hoa Kỳ đã bị ảnh hưởng bởi sự khác biệt rõ nét về quan điểm giữa các khu vực của đất nước. Trong giai đoạn này, những cuộc tranh cãi đã dẫn tới cuộc nội chiến. Những người chủ nô tại các đồn điền ở miền Nam, nông dân vùng biên giới ở phía Tây, và nhóm ngân hàng, nhà máy, xí nghiệp có trụ sở tại phía Bắc, mỗi bên đều muốn chính phủ phải đi theo hướng phát triển ở khu vực của mình⁴.

Vào năm 1828, những xung đột nội bộ đã gây chia rẽ trong đảng Cộng hòa - Dân chủ, và một hệ thống chính trị mới sắp được tạo ra từ sự cạnh tranh giữa hai tư tưởng đang tồn tại trong cùng một đảng này. Cuộc bầu cử Tổng thống năm 1828 đã mở ra kỷ nguyên mới đối địch giữa hai đảng: Đảng Dân chủ và đảng Whig được tách ra từ đảng Cộng hòa - Dân chủ. Đảng Dân chủ của Tổng thống đương nhiệm lúc bấy giờ là Andrew Jackson, đại diện cho quyền lợi của tầng lớp bình dân và trung lưu. Đảng Whig là đảng của các chủ ngân hàng, nhà buôn và chủ đồn điền miền Nam. Từ đó, hệ thống hai đảng bắt đầu phát triển mạnh. Đảng Dân chủ đã ủng hộ cho địa vị đứng đầu của nhánh hành pháp (đứng đầu bởi tổng thống) bên trên các nhánh quyền lực khác trong bộ máy nhà nước và phản đối các chương trình mà đảng

này cho là phát triển công nghiệp không phục vụ quyền lợi của người dân. Trái lại, đảng Whig lại biện hộ cho địa vị đứng đầu của nhánh lập pháp (Quốc hội) và ủng hộ việc hiện đại hóa công nghiệp và chế độ bảo hộ kinh tế trong nước.

Trong những năm 1854, cuộc tranh luận về tương lai của chế độ nô lệ⁵ đã bao trùm lên tất cả các cuộc tranh luận chính trị. Một vấn đề liên quan nữa là quyền của các bang. Vấn đề đặt ra trong cuộc tranh luận này là liệu một chính quyền bang có mâu thuẫn với chính quyền liên bang hay không? và rằng ai sẽ là người có thẩm quyền cuối cùng?. Vấn đề nô lệ và quyền của các bang đã làm suy yếu đảng Dân chủ và sự sụp đổ của đảng Whig. Đảng Dân chủ bị chia thành nhóm phía Bắc và nhóm phía Nam. Nhóm đảng Dân chủ ở phía Nam ủng hộ mạnh mẽ chế độ nô lệ (do nhu cầu phát triển nông nghiệp). Nhóm phía Bắc chống chế độ nô lệ cùng với những người thuộc Đảng Whig đã thành lập đảng Cộng hòa, đại diện cho quyền lợi của khu vực miền Bắc. Chính tư tưởng bãi nô mạnh mẽ đã giúp cho đảng Cộng hòa sau bao nhiêu năm đã giành được ghế Tổng thống Mỹ trong cuộc tuyển cử vào năm 1860 với thắng lợi của Tổng thống Abraham Lincoln (1861-1865). Kể từ đó, nền chính trị Hoa Kỳ được lãnh đạo bởi hai chính đảng là đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa. Tuy vẫn có sự tồn tại của một số đảng phái khác, nhưng chủ yếu vẫn là hai đảng trên thay nhau nắm quyền điều hành đất nước qua các thời kỳ lịch sử.

Có thể nói, ngay từ thuở ban đầu, tiền thân của hai đảng chính trị quyền lực nhất nền chính trị Mỹ đã thuộc hai hệ tư tưởng, hai triết lý khác nhau về cách thức điều hành đất nước. Sự mâu thuẫn này đã trở thành tiền đề xuyên suốt cho ý thức hệ của hai đảng Dân chủ và Cộng hòa từ đó về sau.

4. Tinh bền vững của hệ thống lưỡng đảng

Hầu hết các quốc gia dân chủ khác đều có hệ thống đa đảng, và trong lịch sử chính trị Hoa Kỳ mặc dù vẫn có đảng thứ ba xuất hiện thường xuyên, nhưng chỉ có hai chính đảng thay nhau cầm quyền. Vậy điều gì đã tạo nên tinh bền vững đó? Sau đây là một số lý giải cơ bản cho vấn đề này:

Sự đồng thuận của các giá trị

Có thể nói, trong suốt chiều dài lịch sử nền chính trị Hoa Kỳ là những cuộc đấu tranh chính trị giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, đôi khi lên đến mức đỉnh điểm. Tuy nhiên, người ta cũng dễ dàng nhận thấy rằng, dù ở mức độ nào thì mục đích cuối cùng của hai bên là không nhằm triệt tiêu nhau. Điều này xuất phát từ chính sự đồng thuận của các giá trị Mỹ. Người Mỹ chia sẻ một sự đồng thuận rộng rãi (hoặc đôi khi là những sự thỏa hiệp) nhiều giá trị chính trị cơ bản. Theo các nhà nghiên cứu Mỹ, mặc dù Mỹ là nơi tập trung nhiều dân nhập cư đến từ các nền văn hóa khác nhau, nhưng họ đều thừa nhận một số giá trị cơ bản giống nhau: ủng hộ Hiến

pháp, các nguyên tắc tự do dân chủ, và chủ nghĩa tư bản. Hơn nữa, cử tri Mỹ nhìn chung là có tư tưởng ôn hòa không muốn có những lựa chọn chính trị mang tính cực đoan. Do vậy, cả hai chính đảng đại diện cho các cử tri của họ đều tin tưởng vào sự tự do, bình đẳng, tôn sùng chủ nghĩa cá nhân, và luôn giữ vững mục đích đưa đất nước theo con đường chủ nghĩa tư bản. Cả hai đảng đều chấp nhận tiến trình bầu cử và thừa nhận thất bại với những người chiến thắng. Chính vì những giá trị cốt lõi đó, mặc dù giữa hai đảng thường xuyên có những bất đồng chính trị, nhưng không bao giờ nhằm mục đích cuối cùng là triệt tiêu đối thủ, mà họ luôn có sự thỏa hiệp, và ôn hòa với nhau, để cùng hướng tới mục đích cuối cùng là thúc đẩy, và phát triển một nước Mỹ hùng cường trên thế giới.

Sự ảnh hưởng từ lịch sử hình thành hai đảng:

Ngay từ khi mới lập quốc, các chính trị gia đã có tư tưởng phe phái. Cuộc đấu tranh chính trị nội bộ giữa hai trong số các thành viên Nội các của Tổng thống G. Washington lúc bấy giờ là Alexander Hamilton và Thomas Jefferson đã tạo ra hai đảng phái: đảng của những người liên bang ủng hộ chủ nghĩa liên bang và đảng Công hòa Dân chủ là những người những người chống chủ nghĩa liên bang. Xu hướng bất đồng chính trị nội bộ này đã tồn tại trong suốt lịch sử Hoa Kỳ.

Mặt khác, xuất phát từ hoạt động của hai đảng từ xưa đến nay cho thấy điều

mà hai đảng quan tâm nhất là việc giành chiến thắng trong các cuộc bầu cử và các vị trí cao trong chính phủ. Do đó, để có thể giành được đa số sự ủng hộ của cử tri thuộc nhiều tầng lớp, chủng tộc, tôn giáo khác nhau, mỗi đảng đều phải tránh việc làm tổn hại hình ảnh của đảng mình trong mắt của một nhóm cử tri đông đảo bất kỳ nào đó bằng cách nhấn mạnh đến những khác biệt trong nội dung chính sách của nhau, không tìm cách đại diện cho những hệ thống giá trị khác nhau, thay vào đó, họ lựa chọn các phương cách để có thể giành được lá phiếu ủng hộ của đa số.

Quy tắc "Ai chiến thắng sẽ được tất cả" (The Winner - Take - All System):

Một yếu tố nữa khuyến khích sự tồn tại của hệ thống hai đảng là xuất phát từ chế độ bầu cử tổng thống. Theo hệ thống Cử tri đoàn, người Mỹ không bỏ phiếu bầu trực tiếp tổng thống, thay vào đó, họ sẽ bầu ra một nhóm đại cử tri trong phạm vi từng bang. Số đại cử tri sẽ tương ứng với số thành viên Quốc hội ở bang đó. Để giành được chức tổng thống, bắt buộc ứng viên phải giành được đa số tuyệt đối trong tổng số 535 phiếu đại cử tri của 50 bang và 3 phiếu của District of Columbia⁶. Với quy tắc "The winner take all", ứng viên nhận được đa số tuyệt đối phiếu phổ thông tại một bang sẽ giành được tất cả phiếu đại cử tri của bang đó. Quy định đa số tuyệt đối khiến cho ứng viên của đảng thứ ba khó có cơ hội giành được thắng lợi. Quy tắc "The winner take all" không áp dụng

cho Maine và Nebraska, nơi mà người giành đa số phiếu phổ thông trên toàn bang có được hai phiếu đại cử tri và người giành chiến thắng ở khu vực bầu cử quốc hội được một phiếu đại cử tri.

Ngoài ra, các quy định của luật bầu cử cũng gây khó khăn cho các ứng viên của đảng thứ ba muốn ra tranh cử tổng thống. Để được có tên trên lá phiếu của một bang là một việc rất khó khăn và tốn kém với những quy định khắt khe của từng bang. Bên cạnh đó, để theo đuổi một cuộc chạy đua tranh cử tổng thống không phải đảng nào cũng có khả năng thực hiện được đến cùng bởi vấn đề kinh phí với các khoản chi tiêu khổng lồ cho các hoạt động vận động tranh cử⁷. Hơn nữa, vấn đề đôi khi còn xuất phát từ chính tâm lý của các cử tri. Đối với họ, việc hai đảng Dân chủ và Cộng hòa thay nhau lãnh đạo nền chính trị Hoa Kỳ đã trở thành truyền thống từ rất lâu, và họ đã quen với đường lối lãnh đạo của hai đảng. Do đó họ không muốn mạo hiểm lá phiếu của mình với một đảng thứ ba.

Tóm lại chính những yếu tố về giá trị, lịch sử, văn hóa và luật pháp đã tạo nền móng vững chắc cho sự tồn tại, phát triển của chế độ lưỡng đảng ở Hoa Kỳ từ khi thành lập cho đến nay.

Xin được lấy bình luận của nhà nghiên cứu lịch sử và chính trị Hoa Kỳ, Clinton Rossiter, thay cho lời kết: "Sẽ không có nước Mỹ nếu không có dân chủ, sẽ không có dân chủ nếu không có chính trị, sẽ không có chính trị nếu không có đảng

phái, sẽ không có đảng phái nếu không có sự thỏa hiệp và ôn hòa"⁸ ■

Tài liệu tham khảo:

1. Clinton Rossiter (1964), *Parties and Politics in America*, p.g. 216
2. Presidential Election Campaign Fund (1971) <http://www.fec.gov/press/bkgnd/fund.shtml>
3. *The Origins and Functions of Political Parties*, from Grolier Online and The New Book of Knowledge, <http://www.scholastic.com/teachers/article/political-parties>
4. The US System: Winner-Take-All, <https://web.duke.edu/poli/classes/proprep/wi-thouttext.htm>
5. Washington's Farewell Address (1796)
6. <http://us-political-parties.insidegov.com/>
7. <http://www.ushistory.org/us/23a.asp>
8. <http://americasbesthistory.com/abhtimeline1850.html>

Chú thích:

1. Washington's Farewell Address (1796)
2. <http://us-political-parties.insidegov.com/>
3. <http://www.ushistory.org/us/23a.asp>
4. *The Origins and Functions of Political Parties*, from Grolier Online and The New Book of Knowledge, <http://www.scholastic.com/teachers/article/political-parties>
5. <http://americasbesthistory.com/abhtimeline1850.html>
6. Tu chính án thứ XXIII (1961) của Hiến pháp Hoa Kỳ đã cho phép District of Columbia đủ không phải là một tiểu bang cũng được quyền có 3 cử tri trong việc chọn lựa tổng thống và phó tổng thống. Đây là một ưu tiên dành cho Thủ đô Washington).
7. Đạo luật Quỹ vận động tranh cử tổng thống (1971)
8. Clinton Rossiter (1964), *Parties and Politics in America*, p.g. 216.